

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C- TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân;

2. Bà Trần Thị Phiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2019/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp Phú T, xã Phú L, huyện C, tỉnh Đ. (Khu Dân cư Chợ Phú L);

- Bị đơn: Ông Trần Phương H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số nhà 300, Tổ 9, ấp Tân P, xã An N, huyện C, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, anh Phan Văn M trình bày:

Ông H là thầu xây dựng. Khoảng năm 2016, ông H lãnh thầu xây dựng công trình bờ kè của Ủy ban nhân dân xã Phú L (gọi tắt là Ủy ban), nên các anh ở Ủy ban giới thiệu ông H qua mua vật liệu xây dựng tại Cửa hàng vật liệu

xây dựng của anh M, gồm: cát, đá, xi măng, sắt, gạch ống, gạch men,... Do đó, ông H đến gặp anh M thỏa thuận về việc mua vật liệu xây dựng. Việc thỏa thuận mua bán không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Sau đó, anh M tiến hành giao hàng theo nhiều đợt, anh M có mở sổ theo dõi riêng. Do công trình kéo dài nên nhận hàng nhiều lần. Ông H không trực tiếp nhận hàng mà chủ yếu là giao cho anh Nguyễn Đức T, người giám sát công trình, và một số người thợ trực tiếp nhận. Khi giao hàng, anh T có ký tên xác nhận vào sổ do anh M mở riêng cho ông H. Sau nhiều đợt giao hàng, ông H mới ghé trả tiền 01 lần, số tiền 10 triệu, 20 triệu, 30 triệu, ... không cố định.

Đến ngày 10-10-2017, anh M giao hàng lần cuối cùng và tổng kết nợ, số tiền ông H còn thiếu là 93.203.000 đồng. Sau đó, ông H hứa hẹn nhiều lần, không chịu trả tiền cho anh M, mặc dù anh M biết công trình đã hoàn thành. Ông H cho rằng Ủy ban chưa thanh toán, lý do này, lý do khác. Anh M có đến liên hệ Ủy ban, Ủy ban xác định chưa thanh lý hợp đồng với ông H, Ủy ban xã Phú L có mời anh M và ông H lên trao đổi (không lập biên bản), Ủy ban kêu ông H làm giấy ủy quyền cho anh M để nhận tiền, Ủy ban sẽ chuyển tiền trả cho anh, nhưng ông H cứ cố tình trì hoãn, không hợp tác.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông H có đến Cửa hàng gặp anh M một lần, yêu cầu anh M rút lại đơn kiện, ông sẽ yêu cầu Ủy ban chuyển tiền cho anh M, còn thiếu bao nhiêu ông H sẽ trả dần. Nhưng đến nay, ông H vẫn không thực hiện lời hứa của mình.

Nay anh M yêu cầu ông H trả cho anh M số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 93.203.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Phương H vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát: Việc anh M bán vật liệu xây dựng cho ông H có mở sổ theo dõi, sau khi kết thúc công trình bờ kè của Ủy ban xã Phú L, anh M tổng kết nợ, ông Hoàng còn nợ là 93.203.000 đồng, nhiều lần đòi nhưng ông H không trả. Qua lời khai người làm chứng, anh Nguyễn Đức T xác định có nhận vật liệu dùm ông H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh M là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Phương H tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên

đơn, anh Phan Văn M đồng ý và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn, anh Phan Văn M yêu cầu bị đơn, ông Trần Phương H trả cho anh M số tiền mua bán vật liệu xây dựng còn nợ là 93.203.000 đồng, không yêu cầu tính lãi chậm trả. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là sổ sách theo dõi việc giao nhận hàng, lời khai người làm chứng, kết quả xác minh đối với Ủy ban nhân dân xã Phú L, đủ căn cứ xác định ông H có mua vật liệu xây dựng tại Cửa hàng của anh M, anh M có ghi sổ sách theo dõi, hiện còn nợ 93.203.000 đồng, chưa thanh toán. Tuy nhiên, ông H không có thiện chí trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (kèm theo các biên bản) cho ông H biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông H cố tình không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến. Như vậy, bị đơn đã từ chối quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, mặc nhiên chấp nhận trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2.2] Điều 430 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng mua bán tài sản

“Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán.”

Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: Nghĩa vụ trả tiền:

“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng.

2...

3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này.”

[2.3] Căn cứ quy định pháp luật trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Việc anh M không yêu cầu ông H trả lãi chậm trả là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Hoàng phải trả cho anh M số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 93.203.000 đồng.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
2. Buộc ông Trần Phương H trả cho anh Phan Văn M số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 93.203.000 đồng (*Chín mươi ba triệu hai trăm lẻ ba nghìn đồng.*)
3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Phương H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 4.660.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Phan Văn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.361.000 đồng, theo biên lai số 0005741 ngày 07-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự, niêm yết (05 bản);
- Viện Kiểm sát nhân dân
Huyện Châu Thành (01 bản);
- Tòa án Tỉnh (01 bản);
- Chi cục Thi hành án Dân sự
huyện Châu Thành (01 bản)
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án (04 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Kiều Kim Xuân